PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG ANH LỚP 3

Unit 9 Colours · Lesson 1–2 (SGK tr. 62–65)

Tuần 15

Họ và tên: ..... Lớp: .....

Bài 1: Vocabulary: điền chữ cái còn thiếu

bl□e br□wn r□d yel□ow

or□nge gr□en wh□te bl□ck

Bài 2: Circle the correct answer

1. What colour ... it? – It's red. (A) is (B) are (C) do
2. What colour are they? – ... green. (A) It's (B) They're (C) They is
3. What ... is it? – It's blue. (A) hobby (B) name (C) colour
4. What colour ... they? – They're white. (A) is (B) are (C) isn't

Bài 3: Put the words in order

1. colour / What / is / it?

.....

2. are / They / red.

.....

3. are / What / they? / colour

.....

Bài 4: Phonics (ôn): đọc to, khoanh từ có âm giống phần trong ( )

1. b(oo)k → (A) school (B) notebook (C) classroom
2. er(a)ser → (A) name (B) black (C) hand
3. bl(a)ck → (A) eraser (B) name (C) hand

Bài 5: Read and circle: đọc rồi khoanh câu trả lời đúng

My school things

Hello. I'm Trang. This is my school bag. What colour is it? It's orange. I have a pencil case. It's green. I have two pencils. What colour are they? They're black. I have two notebooks, too. They're white. I like drawing.

1. Cặp của Trang màu gì? (A) green (B) orange (C) yellow
2. Hộp bút màu gì? (A) green (B) brown (C) yellow
3. Hai cây bút chì màu gì? (A) white (B) red (C) black
4. Trang có mấy quyển vở? (A) two (B) three (C) one

Bài 6: Let's write: màu đồ dùng của em

Viết 3 câu về màu đồ dùng học tập của em.

What colour is your school bag? What colour are your pens? – It's ... / They're ...

.....

.....

.....

.....

onthi.app
Ôn Thi · in miễn phí, có đáp án

ĐÁP ÁN — TIẾNG ANH LỚP 3

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài

Tuần 15

Bài 1: Vocabulary: điền chữ cái còn thiếu

blue brown red yellow orange green white black

Bài 2: Circle the correct answer

1. **A** (is) 2. **B** (They're) 3. **C** (colour) 4. **B** (are)

Bài 3: Put the words in order

1. **What colour is it?**
2. **They are red.**
3. **What colour are they?**

Bài 4: Phonics (ôn): đọc to, khoanh từ có âm giống phần trong ( )

1. **B** (notebook) 2. **A** (name) 3. **C** (hand)

Bài 5: Read and circle: đọc rồi khoanh câu trả lời đúng

1. **B** (orange)
2. **A** (green)
3. **C** (black)
4. **A** (two)

Bài 6: Let's write: màu đồ dùng của em

Mẫu: I have a school bag. It's blue. I have two pens. They're red.

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án